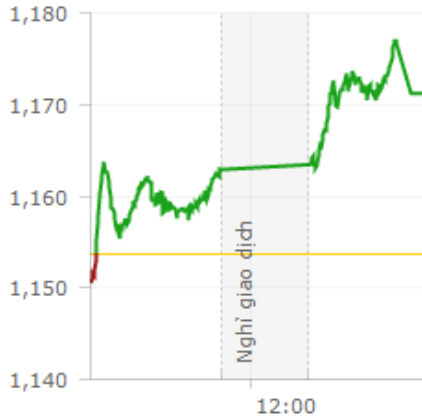


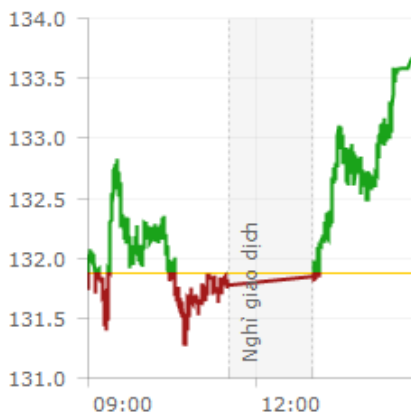
BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VÀ XU THẾ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 27/03/2018

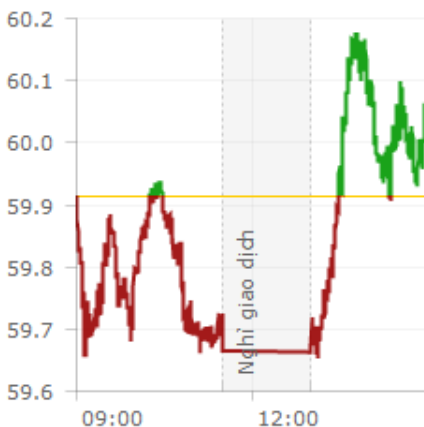
Vn-index: 17.63 điểm (1.53%)



Hnx-index: 1.79 điểm (1.36%)



Upcom-index: 0.11 điểm (0.19%)



Phân tích kỹ thuật Vn-index

Xu thế ngắn hạn: Tích lũy
Xu thế trung hạn: Tăng
Xu thế dài hạn: Tăng

Tổng hợp: (Phiên giao dịch ngày 26/03/2018). Với sự khởi sắc trở lại của nhiều cổ phiếu lớn, cả 2 chỉ số gần như đã lấy lại hết những gì đã mất trong phiên cuối tuần trước. Kết phiên, VN-Index tăng 17,63 điểm (1,53%) lên 1.171,22 điểm với khối lượng gần 212 triệu cổ phiếu tương đương 7.438 tỷ đồng. HNX-Index tăng 1,79 điểm (1,36%) lên 133,67 điểm, khớp gần 62 triệu đơn vị với giá trị giao dịch đạt 1.139,56 tỷ đồng. Sau 2 phiên mua ròng liên tiếp thì khối ngoại đã quay trở lại bán ròng trên cả 2 sàn trong phiên hôm nay. Cụ thể, trên sàn HSX họ giao dịch trị giá 1.696,07 tỷ với giá trị bán ròng đạt 146,75 tỷ đồng. Trên sàn HNX, họ giao dịch trị giá 97,87 tỷ với giá trị bán ròng đạt 64,91 tỷ đồng.

Thanh khoản: Thanh khoản có phần giảm nhẹ so với phiên cuối tuần, nhưng vẫn duy trì ở mức khá với tổng khối lượng giao dịch đạt gần 274 triệu CP, trị giá 8.577,57 tỷ đồng. Trong đó, giao dịch thỏa thuận đóng góp gần 37 triệu đơn vị, giá trị 1.639,42 tỷ đồng.

Điểm nhấn: Thị trường đã bất ngờ bật tăng ngay đầu phiên sáng và tiếp tục thăng hoa trong phiên chiều nhờ nhóm CP vốn hóa lớn với sự đồng hành của nhóm CP tài chính. Trong đó nổi bật nhất ở nhóm CP vốn hóa lớn là MSN, VJC và VIC. MSN nhanh chóng tăng trần lên 109.100 đồng, khớp hơn 1,3 triệu CP với dư mua trần ở cuối phiên, đồng thời cũng được khối ngoại mua ròng. VIC có lúc bật lên sắc tím nhưng khi đóng cửa hạ nhiệt, chỉ còn tăng 3,9% lên 113.800 đồng/CP. VJC cũng tăng tới 4,6% lên 217.900 đồng, lập mức giá đỉnh mới. Bên cạnh đó, một số mã lớn khác cũng tăng mạnh như SAB tăng 3,7%, ROS tăng 5,1%. Tuy nhiên, gây bất ngờ nhất là nhóm CP tài chính khi đồng loạt khởi nghĩa trong phiên hôm nay. BVH tăng 6% lên mốc 93.000 đồng/CP. Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng tăng mạnh. SSI tăng 600 đồng, VND tăng 1.600 đồng (5,9%).

Còn ở nhóm ngân hàng, BID là cổ phiếu giảm mạnh nhất trong phiên cuối tuần nhưng đã đảo chiều và lấy đà rồi bật tăng mạnh mẽ trong phiên ATC, kết phiên tại 44.900 đồng – tăng 6%, mức tăng cao nhất trong nhóm này. VCB, CTG, SHB, ACB đều tăng trên dưới 3%, chỉ có EIB và STB giảm. Trong đó EIB trước thông tin "Bộ Công An bắt giữ 2 nửa cán bộ" đã giảm mạnh 4,4% khi kết thúc phiên. Ở chiều ngược lại thì ảm đạm nhất trong phiên hôm nay là nhóm CP dầu khí. PVD và PVS đều giảm sàn trắng bên mua. GAS bị "đánh úp" cuối phiên khi cổ phiếu này giữ sắc xanh tốt trong phần lớn thời gian giao dịch nhưng bị bán mạnh trong phiên ATC, có lúc bị đẩy xuống giá sàn nhưng sau đó lực cầu đã cân lại, kết thúc phiên chỉ còn giảm 1% xuống 129.600 đồng/CP. Dòng CP thép cũng thiếu sức sống khi đồng loạt điều chỉnh như HPG giảm 4,1%, HSG giảm 4,2%, NKG giảm 2,7%....

Khối ngoại: Phiên hôm nay ghi nhận khối ngoại giao dịch đột biến trên UpCoM, với việc mua ròng gần 569 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là VGT với giá trị 555 tỷ đồng. Trong khi đó, khối này quay trở lại xả mạnh HPG trên HOSE với giá trị 219 tỷ đồng. Trên sàn HOSE, khối ngoại bán ròng hơn 6,62 triệu đơn vị, với tổng giá trị bán ròng tương ứng 146,75 tỷ đồng. Trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng hơn 2,7 triệu đơn vị, với tổng giá trị bán ròng tương ứng 64,91 tỷ đồng.

Nhóm ngành:

Nhóm CP vốn hóa lớn: Trong Top 10 mã vốn hóa lớn nhất sàn, chỉ có GAS đảo chiều giảm 0,99%, xuống 129.600 đồng (mức giá thấp nhất ngày), còn lại đều tăng. VNM tăng 0,72%, lên 208.500 đồng (mức cao nhất ngày 210.500 đồng), SAB tăng 3,74%, lên 244.200 đồng (mức giá cao nhất ngày là 245.000 đồng), MSN tăng trần lên 109.100 đồng và VJC cũng tăng mạnh 4,56%, lên 217.900 đồng. ROS cũng leo lên mức cao nhất ngày 142.000 đồng, tăng 5,11%, dù có lúc trong phiên giảm tới 6%....

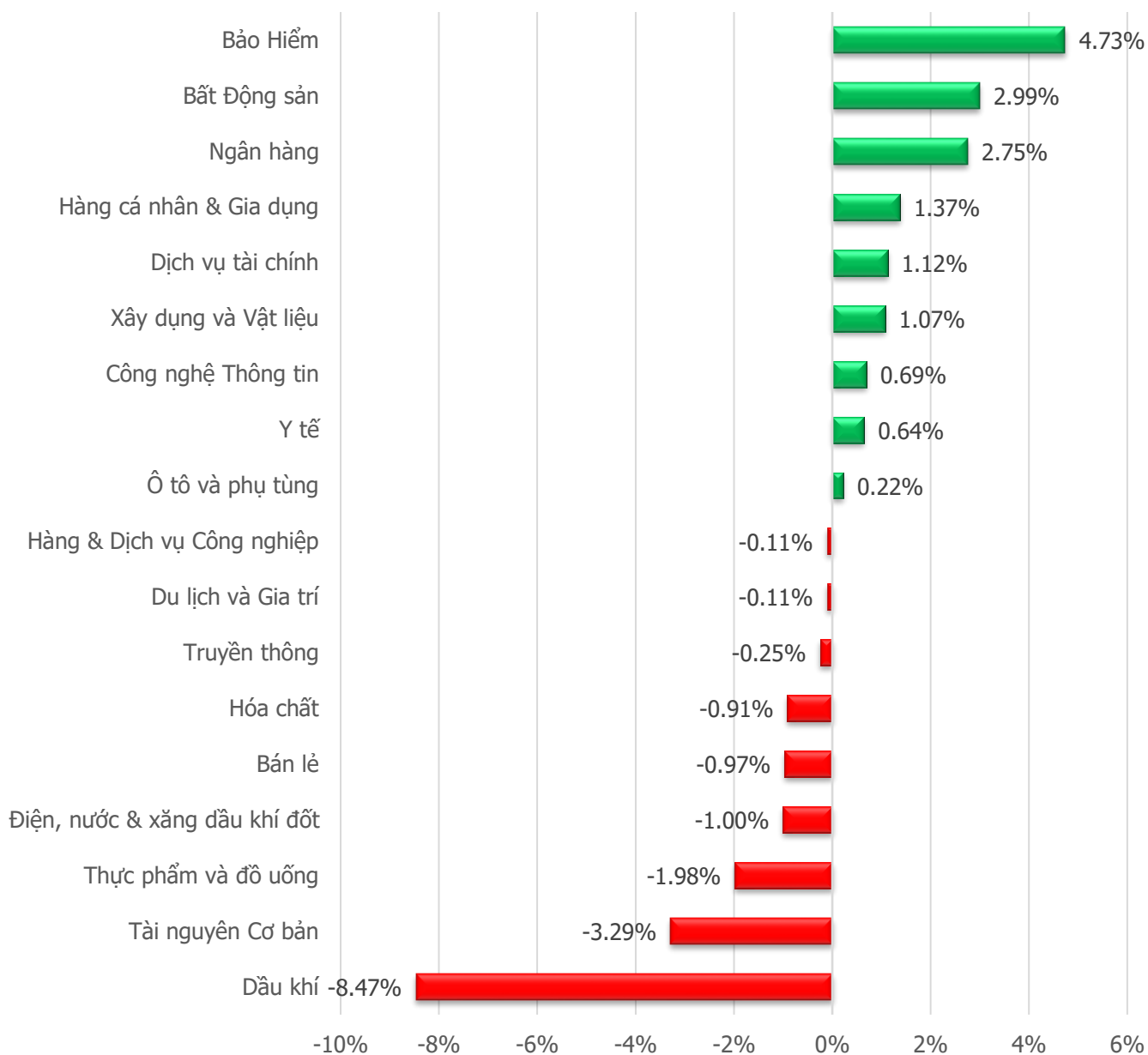
Nhóm CP dầu khí: GAS, các mã dầu khí khác cũng giảm mạnh hôm nay, đặc biệt PVD, PVS lao xuống mức sàn, PLX giảm 2,47%, xuống 83.000 đồng. BSR giảm 0,76%, xuống 26.000 đồng, OIL giảm 7,73%, xuống 19.100. POW giảm 1,88%, xuống 15.700 đồng

Nhóm CP vừa và nhỏ: Chứng kiến sự nổi sóng trở lại của cặp đôi ASM – IDI, trong đó IDI đóng cửa ở mức trần 13.650 đồng với 6,4 triệu đơn vị được khớp và còn dư mua giá trần, còn ASM cũng tăng 6,47%, lên 10.700 đồng với 3,2 triệu đơn vị được khớp. TLD cũng đảo chiều ngoạn mục từ mức sàn 15.000 đồng lên mức 17.050 đồng, tăng 5,9%. Trong khi đó, APC có phiên giảm sàn thứ 5 liên tiếp, xuống 35.250 đồng và NBB có phiên giảm sàn thứ 2 liên tiếp, xuống 22.100 đồng với dư bán sàn ở cả 2 khá lớn. Cũng có mức sàn còn có NVT, HRC, VID...

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ: Tưởng chừng như thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục điều chỉnh khi mà dư âm giảm điểm phiên cuối tuần vừa qua rất lớn cộng với chỉ số DowJones cuối tuần trước điều chỉnh gần 2%. Nhưng không, mọi thứ đã quay ngược và hoàn toàn bất ngờ với nhiều nhà đầu tư, khi mà cả 2 chỉ số đều bật tăng mạnh mẽ ngay trong phiên đầu tuần, qua đó lấy lại những gì đã mất trong phiên giảm điểm trước đó. Thanh khoản phiên hôm nay có yếu đi do thiếu dòng tiền bắt đáy nhưng vẫn ở mức trung bình cao, thể hiện dòng tiền chưa có động thái rút khỏi thị trường. Phiên tăng mạnh hôm nay đã lấp khoảng GAP giảm điểm, qua đó phá vỡ tín hiệu tiêu cực hình thành trong phiên giảm điểm trước đó. Tuy nhiên, chúng tôi cũng chưa nhận thấy dấu hiệu tăng điểm quay trở lại và vẫn cho rằng thị trường vẫn ở trạng thái tiềm ẩn nguy hiểm. Vì vậy, để đảm bảo an toàn hơn, sau những khuyến nghị căn bán các phiên trước, chúng tôi tạm thời có quan điểm quan sát trong một vài phiên tới để có thêm tín hiệu hành động.

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU THEO NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HOT	30,650	2,000	6.98%	10
MSN	109,100	7,100	6.96%	1,326,670
VSI	18,700	1,200	6.86%	5,300
FDC	22,700	1,450	6.82%	25,480
EMC	16,650	1,050	6.73%	57,220

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DPC	15,400	1,400	10.00%	2,600
SGC	86,900	7,900	10.00%	100
BHT	4,400	400	10.00%	100
VTJ	7,700	700	10.00%	366
PSW	8,800	800	10.00%	1,900

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HRC	23,250	-1,750	-7.00%	38,050
APC	35,250	-2,650	-6.99%	82,720
SMA	10,700	-800	-6.96%	12,020
PVD	20,750	-1,550	-6.95%	2,774,880
NBB	22,100	-1,650	-6.95%	2,060

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MCO	1,800	-200	-10.00%	9,900
SCI	8,100	-900	-10.00%	2,200
VE9	6,300	-700	-10.00%	61,110
PSE	78,300	-1,000	-10.00%	130
SLS	23,700	-8,700	-10.00%	13,700

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HPG	58,900	-2,500	-4.07%	17,462,630
FLC	6,150	100	1.65%	12,963,640
IDI	13,650	850	6.64%	11,612,210
SRC	12,700	100	0.79%	9,963,470
FIT	7,350	-350	-4.55%	9,918,700

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	23,700	-2,600	-9.89%	18,338,821
CEO	12,600	1,100	9.57%	3,577,070
KLF	2,400	-100	-4.00%	1,373,400
PVI	42,000	500	1.20%	1,284,544
SPP	8,000	600	8.11%	1,073,370

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

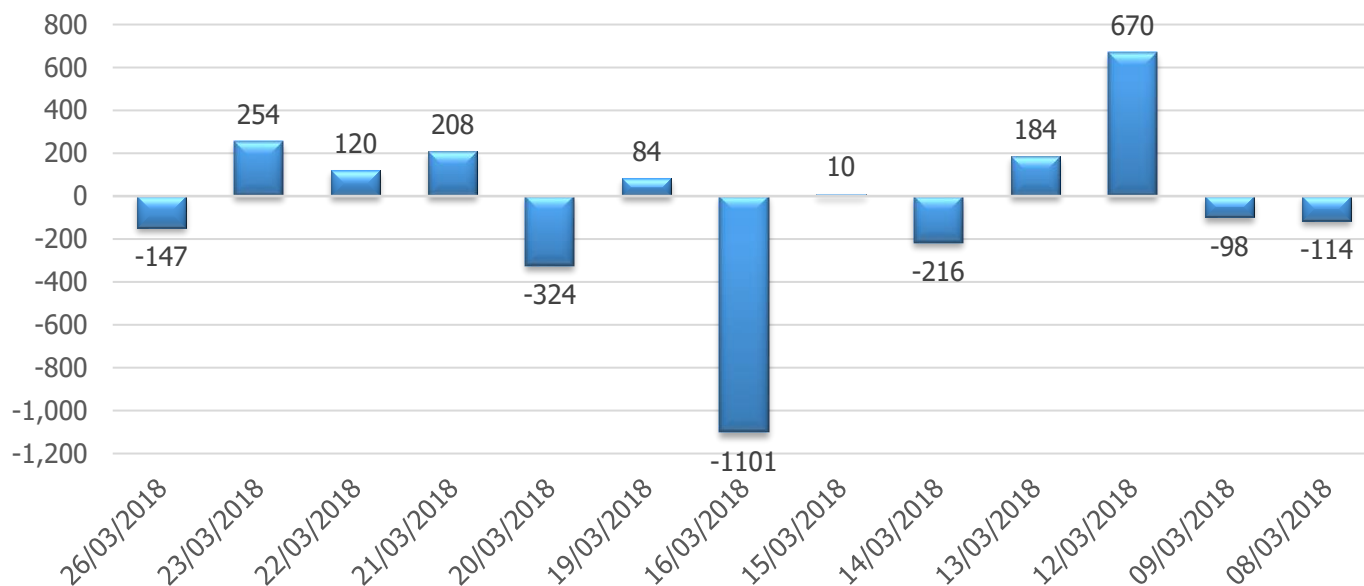
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HPG	58,900	-2,500	-4.07%	11,065,710
STB	15,650	-100	-0.63%	10,950,260
FLC	6,150	100	1.65%	8,411,310
CTG	35,800	850	2.43%	7,784,740
IDI	13,650	850	6.64%	6,415,340

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

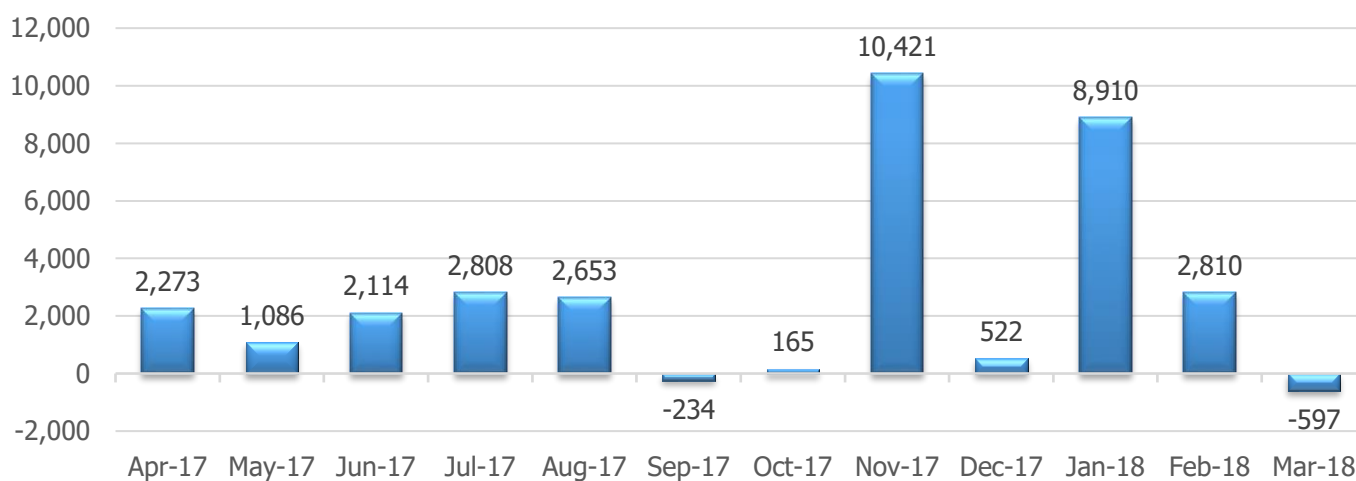
Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	23,700	-2,600	-9.89%	18,338,821
SHB	13,300	400	3.10%	13,430,245
CEO	12,600	1,100	9.57%	3,577,070
ACB	47,300	1,300	2.83%	2,814,607
SHS	24,000	500	2.13%	1,620,300

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VIC	129.68	NVL	36.55
VCI	36.85	DXG	25.29
PLX	30.59	DIG	23.38
HPG	25.65	BID	17.05
SSI	25.65	KBC	16.72

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VGC	7.28	WCS	0.93
SHS	2.00	VIX	0.62
SHB	1.55	DBC	0.44
CEO	1.06	DNP	0.20
NTP	1.05	DPS	0.17

DANH MỤC MỘT SỐ QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LỚN TẠI VIỆT NAM

VinaCapital (VOF)												
STT	Mã CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	13.40%	93,136	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.53	2.89	5,315,731	58,900	130.11%
2	VNM	10.90%	300,412	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.18	12.85	2,273,415	208,500	52.78%
3	ACV	9.00%	195,049	12,580	1,921	8.7%	16.2%	46.64	7.12	182,631	91,500	76.69%
4	KDH	6.30%	13,884	15,531	1,992	5.8%	9.6%	17.98	2.31	423,231	35,800	75.53%
5	PNJ	6.10%	19,566	27,285	7,043	17.9%	32.6%	25.70	6.63	378,552	185,300	148.95%
6	VJC	4.70%	94,060	22,237	10,108	17.4%	61.2%	20.62	9.37	1,333,565	217,900	138.45%
7	QNS	3.20%	14,213	18,382	4,199	15.7%	24.5%	13.88	3.17	222,073	58,700	-38.37%
8	EIB	3.10%	18,134	11,535	669	0.6%	5.9%	22.04	1.28	2,218,111	14,100	19.92%
9	CTD	3.00%	12,957	94,830	21,413	11.9%	24.4%	7.73	1.75	210,383	161,600	-16.72%
10	PVS	2.60%	11,748	24,008	1,793	3.2%	6.7%	14.67	1.10	6,474,631	23,700	57.55%
Tổng		62.80%										

DaragonCapital (VEIL)												
STT	Mã CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	ACB	7.20%	49,887	15,604	1,953	0.8%	14.1%	23.55	2.95	4,238,326	47,300	103.21%
2	MWG	7.20%	37,525	18,632	7,136	11.7%	45.2%	16.28	6.24	693,257	115,000	39.06%
3	MBB	7.07%	64,450	15,516	1,953	1.2%	12.5%	18.18	2.29	6,170,537	35,800	147.23%
4	VNM	6.27%	300,412	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.18	12.85	2,273,415	208,500	52.78%
5	KDH	5.13%	13,884	15,531	1,992	5.8%	9.6%	17.98	2.31	423,231	35,800	75.53%
6	HPG	4.04%	93,136	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.53	2.89	5,315,731	58,900	130.11%
7	FPT	4.00%	31,109	21,525	5,528	10.7%	23.8%	10.60	2.72	2,379,511	59,200	46.32%
8	GAS	3.94%	250,536	21,637	5,005	16.2%	22.8%	26.15	6.05	766,395	129,600	160.51%
9	ACV	3.59%	195,049	12,580	1,921	8.7%	16.2%	46.64	7.12	182,631	91,500	76.69%
10	VJC	3.37%	94,060	22,237	10,108	17.4%	61.2%	20.62	9.37	1,333,565	217,900	138.45%
Tổng		51.81%										

DaragonCapital (VEF)												
STT	Mã CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VPB	14.23%	95,385	18,907	4,426	2.5%	27.5%	14.39	3.37	3,383,871	64,300	0.00%
2	MWG	13.30%	37,525	18,632	7,136	11.7%	45.2%	16.28	6.24	693,257	115,000	39.06%
3	PNJ	8.57%	19,566	27,285	7,043	17.9%	32.6%	25.70	6.63	378,552	185,300	148.95%
4	FPT	4.88%	31,109	21,525	5,528	10.7%	23.8%	10.60	2.72	2,379,511	59,200	46.32%
5	MBB	4.79%	64,450	15,516	1,953	1.2%	12.5%	18.18	2.29	6,170,537	35,800	147.23%
6	DHG	4.63%	15,036	21,013	4,913	16.0%	22.8%	23.41	5.47	273,262	117,000	44.51%
7	CTD	4.60%	12,957	94,830	21,413	11.9%	24.4%	7.73	1.75	210,383	161,600	-16.72%
8	CII	4.18%	7,818	17,620	6,234	9.8%	25.4%	5.09	1.80	1,482,029	31,400	-15.33%
9	CTI	3.52%	2,218	18,665	2,738	3.7%	13.0%	12.85	1.89	467,032	35,000	27.62%
10	VCI	3.41%	12,828	25,162	5,895	13.8%	30.5%	18.13	4.25	195,866	107,500	0.00%
Tổng		62.80%										

VNM ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VIC	9.41%	288,829	11,835	1,610	2.2%	8.7%	68.00	9.25	2,513,488	113,800	157.65%
2	NVL	7.34%	51,885	19,411	3,310	4.7%	17.5%	24.02	4.10	3,880,708	79,600	19.01%
3	VNM	7.23%	300,412	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.18	12.85	2,273,415	208,500	52.78%
4	CTG	7.11%	130,133	17,025	1,996	0.7%	12.0%	17.51	2.05	5,166,860	35,800	95.97%
5	MSN	7.00%	106,842	12,819	2,748	4.5%	15.3%	37.11	7.96	1,990,232	109,100	112.50%
6	ROS	5.46%	63,902	12,003	1,794	9.1%	16.0%	75.31	11.26	1,418,887	142,000	-4.25%
7	HPG	5.30%	93,136	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.53	2.89	5,315,731	58,900	130.11%
8	Mani	5.24%	114	12,348	1,107	6.8%	9.0%	7.13	0.64	17,638	7,900	-5.40%
9	SSI	5.17%	19,794	17,074	2,373	7.3%	14.7%	16.69	2.32	5,163,602	40,200	81.15%
10	Eclat	4.57%	22	16,672	1,638	7.7%	9.4%	7.69	0.76	1,936	12,600	0.00%
11	BVH	3.78%	59,677	20,236	2,291	1.9%	11.1%	38.28	4.33	519,922	93,000	48.20%
12	Synopex	3.76%	831	17,401	7,514	39.9%	46.1%	1.65	0.71	259,143	12,500	-15.96%
13	SOCO	3.29%	5,648	12,046	1,171	2.4%	5.6%	12.81	1.25	6,907	15,000	0.00%
14	RMIL	3.24%	11	10,220	884	0.0%	0.0%	11.32	0.98	202	10,000	0.00%
15	Hansae	3.04%	1,693	10,784	723	0.0%	0.0%	16.61	1.11	94	12,000	0.00%
16	VCG	2.73%	10,204	14,312	3,197	6.4%	18.4%	7.23	1.61	2,527,798	23,800	52.17%
17	STB	2.52%	28,408	12,321	650	0.3%	5.2%	24.22	1.28	11,141,962	15,650	38.16%
18	SBT	2.44%	9,692	12,619	1,197	3.3%	8.3%	14.54	1.38	4,629,753	17,600	-29.27%
19	TCH	2.28%	7,154	12,223	1,367	10.1%	11.2%	14.81	1.66	2,007,669	21,100	11.33%
20	MCNEX	1.65%	19	0	-1,325	0.0%	0.0%	-4.00	0.00	315	5,300	-5.36%
21	KDC	1.60%	7,918	25,013	1,864	3.8%	5.5%	20.65	1.54	480,519	38,700	-3.98%
22	DPM	1.52%	8,942	20,113	1,775	7.0%	8.5%	12.88	1.14	883,957	22,400	3.48%
23	NT2	1.46%	8,924	17,317	2,819	7.1%	16.4%	11.00	1.79	391,489	31,000	5.12%
24	HAG	1.41%	6,492	15,514	723	1.2%	3.7%	9.68	0.45	6,279,246	6,960	-30.69%
25	HSG	1.20%	8,294	15,610	3,510	6.4%	24.3%	6.75	1.52	3,345,721	22,700	-11.94%
26	DCMI	0.22%	6,618	11,577	1,207	5.0%	10.7%	10.35	1.08	1,395,340	12,500	18.96%
27	U.S.Dollar	0.0004	362	15,234	2,327	9.0%	15.8%	5.07	0.77	11,444	12,100	26.62%

MSCI Frontier Markets Index												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	VNM	5.65%	300,412	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.18	12.85	2,273,415	208,500	52.78%
2	VIC	2.76%	288,829	11,835	1,610	2.2%	8.7%	68.00	9.25	2,513,488	113,800	157.65%
3	MSN	1.81%	106,842	12,819	2,748	4.5%	15.3%	37.11	7.96	1,990,232	109,100	112.50%
4	HPG	1.43%	93,136	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.53	2.89	5,315,731	58,900	130.11%
5	ROS	0.63%	63,902	12,003	1,794	9.1%	16.0%	75.31	11.26	1,418,887	142,000	-4.25%
6	NVL	0.58%	51,885	19,411	3,310	4.7%	17.5%	24.02	4.10	3,880,708	79,600	19.01%
7	VRE	0.48%	94,864	13,704	819	5.6%	7.9%	60.92	3.64	9,399,654	48,600	0.00%
8	SSI	0.45%	19,794	17,074	2,373	7.3%	14.7%	16.69	2.32	5,163,602	40,200	81.15%
9	STB	0.32%	28,408	12,321	650	0.3%	5.2%	24.22	1.28	11,141,962	15,650	38.16%
10	SAB	0.28%	150,958	21,355	7,548	23.5%	35.6%	31.19	11.02	117,219	244,200	18.12%
11	PVS	0.20%	11,748	24,008	1,793	3.2%	6.7%	14.67	1.10	6,474,631	23,700	57.55%
12	SBT	0.19%	9,692	12,619	1,197	3.3%	8.3%	14.54	1.38	4,629,753	17,600	-29.27%
13	HSG	0.15%	8,294	15,610	3,510	6.4%	24.3%	6.75	1.52	3,345,721	22,700	-11.94%
14	TCH	0.14%	7,154	12,223	1,367	10.1%	11.2%	14.81	1.66	2,007,669	21,100	11.33%
15	DPM	0.13%	8,942	20,113	1,775	7.0%	8.5%	12.88	1.14	883,957	22,400	3.48%
16	KBC	0.10%	6,154	17,423	1,244	3.8%	6.6%	10.53	0.75	3,559,046	12,900	-10.27%

FTSE Vietnam Index ETF												
STT	Ma CP	% Phân bổ	Vốn hóa	Gía trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Gía hiện tại	Tăng/giảm 12T
		%	tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	HPG	15.60%	93,136	21,282	5,829	18.6%	30.7%	10.53	2.89	5,315,731	58,900	130.11%
2	VIC	15.41%	288,829	11,835	1,610	2.2%	8.7%	68.00	9.25	2,513,488	113,800	157.65%
3	MSN	15.32%	106,842	12,819	2,748	4.5%	15.3%	37.11	7.96	1,990,232	109,100	112.50%
4	VNM	12.55%	300,412	16,105	7,094	32.2%	44.5%	29.18	12.85	2,273,415	208,500	52.78%
5	VCB	6.80%	251,484	15,003	2,526	1.0%	17.8%	27.67	4.66	2,450,100	71,900	86.70%
6	NVL	5.84%	51,885	19,411	3,310	4.7%	17.5%	24.02	4.10	3,880,708	79,600	19.01%
7	ROS	5.14%	63,902	12,003	1,794	9.1%	16.0%	75.31	11.26	1,418,887	142,000	-4.25%
8	PVS	5.10%	11,748	24,008	1,793	3.2%	6.7%	14.67	1.10	6,474,631	23,700	57.55%
9	SSI	4.08%	19,794	17,074	2,373	7.3%	14.7%	16.69	2.32	5,163,602	40,200	81.15%
10	STB	2.88%	28,408	12,321	650	0.3%	5.2%	24.22	1.28	11,141,962	15,650	38.16%
Tổng		88.72%										

Liên hệ trung tâm nghiên cứu VNCS:

Lưu Chí Kháng

Chuyên viên phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0946 976 245

Email: khanglec@vn-cs.com, khangleuchi@gmail.com.

Đỗ Thị Hường

Trợ lý phân tích - P.Phân Tích

Mobile: 0983 126 496

Email: huongdt@vn-cs.com.

Email: vncs.research@vn-cs.com

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099

Website: www.vn-cs.com